

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 08/4/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Em;
2. Ông Phan Ngọc Thành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đức- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:***
Bà Hồ Thị Thuần- Kiểm sát viên.

Vào ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958;

Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1962.

Ông T ủy quyền cho bà N

Cùng địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, An Giang

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

3. Người làm chứng: Bà Huỳnh Thanh N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

Bà N và bà H có mặt tại phiên tòa. Bà N có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2019; biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2020; biên bản hòa giải ngày 01/9/2020; ngày 14/10/2020; ngày 05/3/2021 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N, đồng thời đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày: Vào năm 2018 vợ chồng bà có thỏa thuận sang nhượng cho bà H 19.598m² đất lúa, thuộc thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã P, do bà đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với số tiền sang nhượng là 750.000.000đ. Bên bà H đặt cọc trước số tiền là 50.000.000đ, số tiền còn lại (700.000.000đ) sẽ được bà H thanh toán dứt điểm vào ngày 17/02/2019. Hai bên có làm hợp đồng với nhau (giấy tay sang nhượng đất ngày 17/10/2018). Sau khi bà H đặt cọc 50.000.000đ, vợ chồng bà đã giao phần đất trên cho bà H quản lý và sử dụng. Đến ngày 17/02/2019, bà H không trả đủ số tiền sang nhượng đất còn lại cho bà nên bà đến lấy lại đất thì ngày 12/6/2019 bà H có lập văn bản hẹn đến ngày 30/6/2019 nếu không giao đủ số tiền sang nhượng đất còn lại thì thống nhất hủy hợp đồng sang nhượng trên với vợ chồng bà. Ngày 05/8/2019, bà đến lấy đất lại canh tác thì bà H có thỏa thuận sang nhượng lại phần đất trên nên có giao tiếp cho bà 501.990.000đ, số tiền còn lại 198.010.000đ bà H hẹn khi nào vợ chồng bà ký thủ tục sang tên cho bà H xong sẽ trả đủ. Ngày 07/8/2019 vợ chồng bà đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân xã P để làm thủ tục sang tên cho bà H nhưng bà H yêu cầu bà ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất trên cho bà Huỳnh Thanh N, trong khi đó bà H không mang theo số tiền sang nhượng đất còn lại để trả cho bà nên vợ chồng bà không đồng ý.

Nay bà khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng sang nhượng đất giữa bà với bà H. Đối với phần đất, hiện nay bà đã nhận lại xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần đất tranh chấp.

Đối với số tiền bà H đã đưa cho bà 2 lần với số tiền là 551.990.000đ. Trong đó 50.000.000đ tiền cọc bà H đặt cọc lần đầu, bà H đã thống nhất hủy hợp đồng nên bà không trả lại. Đối với số tiền còn lại 501.990.000đ bà H phải bồi thường lại cho bà 120.000.000đ do làm đất của bà mà không đưa đủ tiền, nên bà chỉ đồng ý trả lại cho bà H số tiền sang nhượng đất là 381.990.000đ.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2020; biên bản hòa giải ngày 01/9/2020; ngày 14/10/2020; ngày 05/3/2021 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Vào năm 2018, bà có thỏa thuận sang nhượng của vợ chồng bà N phần đất 19.598m² đất lúa, thuộc thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã P, do vợ chồng bà N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với số tiền sang nhượng là 750.000.000đ. Hai bên có làm giấy tay với nhau (giấy tay sang nhượng đất ngày 17/10/2018), theo nội dung giấy sang nhượng đất giữa 2 bên thể hiện: Bên bà đặt cọc trước số tiền là 50.000.000đ, số tiền còn lại (700.000.000đ) sẽ được thanh toán dứt điểm vào ngày 17/02/2019. Sau khi bà đặt cọc 50.000.000đ, vợ chồng bà N giao phần đất trên cho bà quản lý và sử dụng. Đến ngày 17/02/2019, do chưa có đủ tiền để trả cho bà N theo thỏa thuận nên giữa bà với bà N có thỏa thuận đến ngày 30/6/2019 sẽ trả đủ số tiền sang nhượng đất cho bà N để làm thủ tục sang tên nhưng đến thời điểm trên do không

có tiền nên bà không thực hiện. Ngày 05/8/2019, bà có thỏa thuận lại với vợ chồng bà N là tiếp tục thực hiện hợp đồng sang nhượng trên, bà N đồng ý nên bà có trả tiếp cho vợ chồng bà N 501.990.000đ, số tiền sang nhượng đất còn lại 198.010.000đ, hẹn khi nào vợ chồng bà N ký thủ tục sang tên cho bà xong sẽ trả đủ. Do phần đất bà N sang nhượng cho bà, bà N chưa đến thực tế để xác định nên bà có yêu cầu vợ chồng bà N đến để xác định ranh đất của bà N nhưng bà N không đồng ý nên hợp đồng chuyển nhượng giữa 2 bên chưa được ký kết và bà chưa trả số tiền sang nhượng đất còn lại 198.010.000đ cho vợ chồng bà N.

Nay bà N yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng phần đất trên, bà thống nhất hủy hợp đồng theo yêu cầu của bà N. Yêu cầu bà N phải trả lại cho bà số tiền sang nhượng đất đã nhận là 551.990.000đ.

Đối với phần đất, hiện nay bà thỏa thuận trả lại cho bà N và bà N đã nhận lại xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần đất trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát và tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án trên như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 122, 129, 131, 500, 503 Bộ luật dân sự; Điều 188 Luật Đất đai.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Hồng H

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/10/2018 giữa bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn T với bà Nguyễn Thị Hồng H đối với thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7, diện tích 19.598m² đất lúa, tọa lạc tại xã P, do bà N và ông T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn T phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền sang nhượng đất đã nhận là 551.990.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại tiền sử dụng đất 02 năm của bà Nguyễn Thị N, ông Huỳnh Văn T đối với bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền 120.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà với bà H. Đồng thời yêu cầu bà H bồi thường tiền sử dụng đất trong 02 năm số tiền 120.000.000đ. Bà H thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng đất, yêu cầu vợ chồng bà N có trách nhiệm trả lại số tiền sang nhượng đất đã nhận là 551.990.000đ, không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà N, ông T. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại ấp K, xã P, huyện T, đối tượng khởi kiện là bất động sản, tọa lạc tại ấp K, xã P, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Trong phần tranh tụng và tranh luận tại phiên toà, các đương sự trình bày ý kiến như sau:

Bà N trình bày:

Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/10/2018 giữa vợ chồng bà với bà Nguyễn Thị Hồng H đối với thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7, diện tích 19.598m² đất lúa, tọa lạc tại xã P, do vợ chồng bà đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với số tiền bà H đã đưa cho bà 2 lần với số tiền là 551.990.000đ. Trong đó 50.000.000đ tiền cọc bà H đặt cọc lần đầu, bà H vi phạm hợp đồng nên bà không trả lại. Đối với số tiền 501.990.000đ, bà H phải bồi thường lại cho bà 120.000.000đ do làm đất của bà mà không đưa đủ tiền nên bà chỉ đồng ý trả lại cho bà H số tiền sang nhượng đất là 381.990.000đ.

Đối với phần đất, hiện nay bà đã nhận lại xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần đất tranh chấp.

Bà H trình bày:

Thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/10/2018 giữa vợ chồng bà với bà Nguyễn Thị Hồng H đối với thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7, diện tích 19.598m² đất lúa, tọa lạc tại xã P, do vợ chồng bà đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Việc bà chậm trả tiền sang nhượng đất cho bà N theo thỏa thuận, giữa bà với bà N có thỏa thuận lại và bà N đồng ý nên bà mới trả tiếp số tiền sang nhượng đất cho bà N nên bà không đồng ý theo yêu cầu của bà N;

Yêu cầu vợ chồng bà N phải trả lại bà số tiền sang nhượng đất đã nhận là 551.990.000đ;

Đối với phần đất, hiện nay bà thỏa thuận trả lại cho bà N và bà N đã nhận lại xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần đất tranh chấp.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Đối với yêu cầu của bà N, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà với bà Nguyễn Thị Hồng H đối với thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7, diện tích 19.598m² đất lúa, tọa lạc tại xã P, do vợ chồng bà đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì; việc chuyển nhượng đất giữa vợ chồng bà với bà H là hoàn toàn có thật và thực tế đã xảy ra, các bên có làm giấy tay với nhau. Trong quá trình thỏa thuận chuyển nhượng, bên bà H có giao cho vợ chồng bà N được 551.990.000đ tiền chuyển nhượng đất và bên bà N cũng đã giao phần đất chuyển nhượng cho bên bà H quản lý và sử dụng. Tuy nhiên, trong thời gian chuyển nhượng, bên bà N cho rằng bà H không giao đủ tiền sang nhượng đất cho bà nên vợ chồng bà không ký thủ tục sang tên cho bà H theo quy định. Bên bà H cho rằng, bên bà N không tiến hành đo đạc, xác định ranh đất thực tế phần đất của bà N chuyển nhượng cho bà nên bà chưa giao số tiền chuyển nhượng đất cho bên bà N nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N với bà H cho đến nay vẫn chưa được các bên thực hiện theo quy định. Tại phiên tòa, bà N cũng thừa nhận rằng: Từ khi bà với bà H thỏa thuận sang nhượng phần đất trên thì bà chưa vào để xác định ranh đất của bà cho bên bà H. Hiện nay, bên bà N và bà H đều thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng trên. Do đó, nghĩ nên chấp nhận sự thỏa thuận giữa bà N với bà H về việc hủy hợp đồng sang nhượng đất giữa vợ chồng bà N với bà H là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[4] Theo quy định của pháp luật, hợp đồng vô hiệu thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bên chuyển nhượng là vợ chồng bà N đã nhận số tiền chuyển nhượng là 551.990.000đ nên trả lại cho bà H. Bà H đã nhận đất chuyển nhượng để sử dụng nên trả lại cho vợ chồng bà N là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa, bà N trình bày: Đã nhận của bà H 2 lần tiền, với số tiền là 551.990.000đ. Trong đó 50.000.000đ tiền cọc bà H đặt cọc lần đầu, bà H vi phạm hợp đồng nên bà không trả lại. Đối với số tiền 501.990.000đ, bà H phải bồi thường lại cho bà 120.000.000đ do làm đất của bà mà không đưa đủ tiền nên bà chỉ đồng ý trả lại cho bà H số tiền sang nhượng đất là 381.990.000đ. Xét thấy lời trình bày này là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, căn cứ vào giấy sang nhượng đất ngày 17/10/2018 thể hiện: Bà N chuyển nhượng cho bà H 19.598m² đất lúa thuộc thửa 355, tờ bản đồ số 7 với giá là 750.000.000đ. Bên bà H đưa tiền cọc là 50.000.000đ, số tiền còn lại sẽ được thanh toán vào ngày 17/02/2019. Tuy nhiên, khi đến thời hạn giao tiền bên bà H không có tiền để giao cho bà N nên giữa bà N và bà H có thỏa thuận lại việc chuyển nhượng phần đất trên và đã được các bên đồng ý nên ngày 06/8/2019, bên bà H tiếp tục trả thêm cho bà N số tiền sang nhượng đất là 501.990.000đ. Số tiền còn lại sau khi 2 bên ký hợp đồng chuyển nhượng sẽ thanh toán dứt điểm. Tuy nhiên, cho đến nay 2 bên vẫn chưa thực hiện việc chuyển nhượng trên nên cả 2 bên đều có lỗi như nhau, nên việc bà N cho rằng bà H có lỗi trong việc chuyển nhượng trên phải mất cọc số 50.000.000đ và bồi thường thiệt hại cho bà 120.000.000đ là không có căn cứ chấp nhận, nghĩ nên buộc bên bà N có trách nhiệm trả lại số tiền sang nhượng đất đã nhận cho bà H là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét về lỗi làm cho hợp đồng chuyển nhượng đất giữa vợ chồng bà N với bà H vô hiệu là do lỗi của hai bên, bởi vì trong quá trình sang nhượng các bên không tuân thủ theo các điều kiện quy định của pháp luật (không làm thủ tục sang tên theo quy định). Mặt khác, trong thời gian vợ chồng bà N chuyển nhượng phần đất trên cho bà H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp để vay tiền ngân hàng, dẫn đến hậu quả làm cho hợp đồng chuyển nhượng trên không thể thực hiện được. Đối với bà H, đáng lẽ ra khi 2 bên đã thỏa thuận chuyển nhượng phần đất trên, bà phải tranh thủ trả đủ tiền để làm thủ tục sang tên theo quy định nhưng bà lại kéo dài thời gian trả tiền sang nhượng đất, dẫn đến hợp đồng chuyển nhượng đất giữa các bên không được thực hiện, nên cả hai đều có lỗi như nhau, do vậy mỗi bên phải chịu một phần thiệt hại là phù hợp và đúng theo quy định.

Thiệt hại hợp đồng giữa vợ chồng bà N với bà H là giá trị đất lúc mua và giá trị đất thực tế hiện nay. Tại phiên tòa, bà N và bà H đều xác định giá trị đất hiện nay so với thời điểm 2 bên thỏa thuận sang nhượng không có chênh lệch về giá. Do đó, không phát sinh bồi thường thiệt hại giữa các bên.

Trong quá trình chuyển nhượng đất bên bà H đã giao cho bà N được 551.990.000đ (tương đương 2/3 giá trị của hợp đồng), bên bà N đã giao phần đất trên cho bà H quản lý và sử dụng nên các bên đều có lợi nhuận từ việc sang nhượng trên, không bên nào bị thiệt hại nên không xem xét đến việc bồi thường thiệt hại là có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với phần đất chuyển nhượng: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà N và bà H đều trình bày: Phần đất trên các bên đã tự nguyện thỏa thuận, bên bà H đã giao trả đất cho bà N và bên bà N đã nhận lại xong, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần đất trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Do yêu cầu của bà N, ông T được chấp nhận 1 phần, nên bà H phải chịu án phí đối với phần được Tòa án chấp nhận.

Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên ông T, bà N phải chịu án phí theo quy định.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 122, 129, 131, 500, 503 Bộ luật dân sự; Điều 188 Luật Đất đai; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn T với bà Nguyễn Thị Hồng H.

2/ Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/10/2018 giữa bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn T với bà Nguyễn Thị Hồng H, đối với thửa đất số 355, tờ bản đồ số 7, diện tích 19.598m², mục đích sử dụng: Đất trồng lúa, tọa lạc tại xã P, huyện T do bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3/ Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền sang nhượng đất đã nhận là 551.990.000đ (Năm trăm năm mươi một triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4/ Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại tiền sử dụng đất 02 năm của bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn T đối với bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

5/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N, ông Huỳnh Văn T phải liên đới chịu 32.079.600đ (Ba mươi hai triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên được miễn nộp số tiền 16.039.800đ (Mười sáu triệu, không trăm ba mươi chín nghìn tám trăm đồng). Ông Huỳnh Văn T phải chịu 16.039.000đ (Mười sáu triệu, không trăm ba mươi chín nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005823 ngày 09/01/2020 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Ông Huỳnh Văn T còn phải nộp 15.739.000đ (Mười lăm triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Hồng H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 13.812.500đ (Mười ba triệu, tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002663 ngày 11/5/2020 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Bà Nguyễn Thị Hồng H được nhận lại 13.512.500đ (Mười ba triệu, năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ

